

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2024/HS-PT

Ngày: 11/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Mai, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 443/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Thị S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Bị cáo có kháng cáo:Họ và tên: Vũ Thị S; Sinh năm: 1976; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký thường trú: TT1- 02 khu nhà ở Quân chủng phòng không không quân, ngõ A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: cao đẳng; Nghề nghiệp: Tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Vũ Đức C; sinh năm: 1938; con bà: Phan Thị C1; sinh năm: 1942; Gia đình có 6 anh em, bị cáo là con thứ tư; có chồng là Bùi Văn T; sinh năm: 1971; có 2 con: con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2001; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị S: Bà Nguyễn Thanh T1- Luật sư- Đoàn luật sư Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Vụ án thứ nhất: là Giáo viên chủ nhiệm lớp của con Trai ông Nguyễn Đức T2 và bà Đào Thị M. Do có mối quan hệ quen biết, T3 được biết ông T2, bà M có 02 con gái là Nguyễn Minh P, sinh năm: 1996 (đã tốt nghiệp trường Cao đẳng S2 khoa Sư phạm Tiếng Anh) và Nguyễn Thu T4, sinh năm: 1997 (đã tốt

ng nghiệp trường Đại học S3, khoa Sư phạm Vật lý) hiện chưa có công ăn việc làm, muốn xin biên chế viên chức giáo viên. Thờ giới thiệu với ông T2, bà M về việc có di ruột là Vũ Thị S (kinh doanh tự do, không làm trong ngành giáo dục) có quan hệ quen biết rộng, có thể xin được cho P và T4 biên chế viên chức giáo viên. Do đó, ông T2 - bà M nhờ Thờ giúp đỡ thì T3 đồng ý và dẫn ông T2 - bà M đến gặp Vũ Thị S để trực tiếp nói chuyện. Khi các bên gặp nhau,

Năm 2019 Vũ Thị S thông qua Bùi Thị T5 giới thiệu, gặp ông Nguyễn Đức T2 và bà Đào Thị M. S nói mình xin được biên chế viên chức cho chị P và chị T4 (con ông T2, bà M). Hai bên thỏa thuận số tiền để S xin biên chế viên chức cho Nguyễn Minh P là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) làm việc tại huyện V, tỉnh Nam Định; xin cho T4 biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn tỉnh Nam Định với số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 02/6/2019, ông T2 cùng chị P đến nhà Bùi Thị T5, giao cho T5 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), gồm 200.000.000 đồng xin việc cho chị Nguyễn Minh P và 50.000.000 đồng đặt cọc để xin việc cho Nguyễn Thu T4 và nhờ T5 giao lại cho Vũ Thị S. Khi giao tiền cho T5, ông T2 đã đưa cho T5 01 bộ hồ sơ xin việc (gồm có bản công chứng bằng tốt nghiệp, bảng điểm, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học) đứng tên Nguyễn Minh P. Hai bên viết giấy cam kết, T5 ký bên nhận tiền. T5 đã giao lại toàn bộ cho Vũ Thị S.

Đầu tháng 4/2020, ông T2 và bà M đã thỏa thuận giá tiền để S lo cho T4 thi trúng tuyển biên chế viên chức giáo viên là 350.000.000 đồng. Ngày 12/4/2020, ông T2 cùng P đến nhà và đưa cho T5 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) cùng 01 bộ hồ sơ của Nguyễn Thu T4. Sau khi giao tiền, chị P đã viết trang sau của giấy cam kết lần trước (ngày 02/6/2019) với nội dung đã chuyển đầy đủ tiền cho T5. Thờ cam kết nếu không xin được việc thì có trách nhiệm trả lại đầy đủ. Ông T2 ký bên giao và T5 ký bên nhận. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc từ ông T2, T5 đã giao lại toàn bộ cho Vũ Thị S.

Quá trình điều tra xác định sau khi nhận tiền và hồ sơ của Nguyễn Minh P, Vũ Thị S không nộp hồ sơ đến bất kỳ cơ quan, tổ chức nào trên địa bàn huyện V, tỉnh Nam Định như đã thỏa thuận với ông T2 – bà M. Ngày 08/7/2020, Vũ Thị S nhắn tin trên ứng dụng Zalo với ông Nguyễn Khắc X, sinh năm: 1964; HKTT: thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định là Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Nam Định về chỉ tiêu xét tuyển biên chế viên chức tiểu học trên địa bàn huyện V, tỉnh Nam Định. Qua trao đổi, ông X đã trả lời S là chỉ xét tuyển biên chế đối với người tốt nghiệp hệ Đại học và có 17 chỉ tiêu nhưng chưa có kế hoạch tuyển.

Cuối tháng 01/2021, ông T2- bà M đến nhà Thờ tìm gặp để đòi lại tiền nhưng không gặp được T5. Chồng của T5 là anh T6 đã dẫn ông T2 bà M đến gặp Vũ Thị S tại xưởng sợi của S ở xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Tại đây, S thỏa thuận với ông T2 sẽ trả lại số tiền 200.000.000 đồng tiền xin biên

ché cho Nguyễn Minh P cho ông T2 vào tháng 02/2021, số tiền 350.000.000 đồng tiền xin biên chế cho Nguyễn Thu T4 sẽ trả lại vào tháng 4/2021.

Đến ngày 04/2/2021, S đưa cho T5 một túi nilon nói bên trong có số tiền 150.000.000 đồng và nhờ T5 trả lại cho ông T2 – bà M, 50.000.000 đồng còn lại S dặn T5 nói với ông T2 và bà M về việc đã sử dụng để mua chỉ tiêu và quà để biếu lãnh đạo. Sau đó, T5 gọi điện thoại cho bà M hẹn ông T2 và bà M đến xưởng sợi của Vũ Thị S ở xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để trả lại tiền. Tại đây, vợ chồng ông T2, bà M gặp T5 và mẹ của T5 là bà Vũ Thị N. T5 nói trả lại cho ông T2 - bà M số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) trong số 200.000.000 đồng mà ông T2 đã đưa để xin việc chị P, còn 50.000.000 đồng đã được chi để mua chỉ tiêu và quà để biếu lãnh đạo. Tuy nhiên ông T2, bà M không chấp nhận vì thực tế năm 2020 không có chỉ tiêu tuyển viên chức đối với trình độ Cao đẳng nên đã đi về mà không nhận số tiền trên của T5. Sau khi ông T2- bà M không nhận số tiền nêu trên, T5 để lại số tiền vào trong tủ gỗ ở xưởng sợi tại xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định rồi báo lại cho Vũ Thị S để nhận lại số tiền. S đã nhận lại số tiền 150.000.000 đồng và chỉ tiêu cá nhân hết.

Sau đó, ông T2 – bà M đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại yêu cầu Bùi Thị T5 trả lại toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng đã nhận để xin biên chế cho P và T4. Đến khoảng tháng 8/2021, ông T2 và bà M đến tìm gặp T5 để yêu cầu T5 trả lại toàn bộ số tiền. T5 nói lại với Vũ Thị S thì S đưa cho T5 một túi nilon nói bên trong có số tiền 100.000.000 đồng, nhờ T5 trả lại cho ông T2 - bà M và dặn T5 nói với ông T2, bà M về việc chỉ lấy lại được 100.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào lấy lại được sẽ trả lại nốt cho ông T2, bà M. Sau đó, T5 hẹn ông T2 và bà M về nhà Thơ và nói lại nội dung mà S đã nhờ T5 nêu trên. Tuy nhiên, ông T2 và bà M không đồng ý, yêu cầu T5 trả lại toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng mà T5 đã nhận rồi ra về. Sau khi ông T2 – bà M không nhận số tiền nêu trên, T5 đã để lại số tiền vào trong tủ gỗ ở xưởng sợi, Vũ Thị S đã về nhận lại số tiền 100.000.000 đồng và chỉ tiêu cá nhân hết.

Tại cơ quan điều tra S khai nhận: Đối với số tiền 200.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc đã nhận từ T5 (T5 nhận từ ông T2 ngày 02/6/2019) để xin việc cho Nguyễn Minh P, đến khoảng tháng 8/2019 thì S đã đưa 150.000.000 đồng tiền mặt và sử dụng 45.000.000 đồng mua 01 đôi giày nhãn hiệu Savato, tổ yến và áo sơ mi tặng cho ông Nguyễn Khắc X, sinh năm: 1964 – Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Nam Định để nhờ ông X giúp tuyển biên chế viên chức giáo viên đối với P làm tại huyện V, tỉnh Nam Định. Khi biếu quà và đưa tiền cho ông X thì không có người chứng kiến, S không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã đưa tiền cho ông X, số tiền còn lại là 5.000.000 đồng thì S chỉ tiêu cá nhân. Theo lời khai của S, ông X đồng ý nhận số tiền và quà do S biếu để tuyển biên chế đối với P. Tuy nhiên, do không có chỉ tiêu tuyển biên chế Cao đẳng nên ông X đã trả lại cho S số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm

mười triệu đồng). Sâm cũng đã đưa lại cho T5 số tiền 150.000.000 đồng và nói số tiền 50.000.000 đồng để sử dụng mua quà biếu lãnh đạo nên chỉ trả lại 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T2 – bà M không nhận, yêu cầu trả đủ 200.000.000 đồng nên Thor đã giao lại cho S số tiền nêu trên, S đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đối với số tiền 350.000.000 đồng và hồ sơ xin việc đã nhận từ T5 (Thor nhận của ông T2 ngày 12/4/2020) để xin cho Nguyễn Thu T4. Sâm khai nhận đã đưa toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng nêu trên và 01 đôi giày nhãn hiệu Gucci có giá trị 11.500.000 đồng (tiền cá nhân của S) cho ông Cao Xuân H, sinh năm: 1963 – Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh N vào ngày 23/4/2020 tại phòng làm việc của ông H, để nhờ ông H giúp cho T4 trúng tuyển trong kỳ thi tuyển biên chế viên chức giáo viên năm 2020. Ông H đã nhận và hứa sẽ giúp cho T4 trúng tuyển kỳ thi biên chế viên chức giáo viên năm 2020. Tuy nhiên, khi có kết quả thi tuyển và biết T4 không trúng tuyển thì S có hỏi lại thì ông H hứa hẹn sẽ tuyển sau.

Sâm đã trao đổi lại với bà M và bà M đồng ý để cho T4 thi tuyển lần sau nên S chưa đề nghị ông H trả lại tiền. Đến khoảng tháng 8/2021, ông T2- bà M tiếp tục đòi Thor trả lại 550.000.000 đồng đã nhận để xin biên chế cho P và T4 thì S có đưa cho T5 số tiền 100.000.000 đồng là tiền cá nhân để trả lại cho ông T2- bà M. Tuy nhiên, ông T2 và bà M không nhận mà yêu cầu phải trả đủ số tiền 550.000.000 đồng. Khi ông T2, bà M không nhận thì S đã nhận lại số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Khắc X, sinh năm: 1964 trú tại xã H, huyện V, tỉnh Nam Định- Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Nam Định. Kết quả ông X khai nhận: Do có quan hệ quen biết với Vũ Thị S từ lâu nên ông X có liên lạc qua điện thoại và cũng có nhiều lần gặp trực tiếp S. Quá trình quen biết, S có biếu ông X 01 đôi giày da màu đen và 01 hộp bên trong có khoảng 06 lọ thủy tinh chứa nước yến thành phẩm (đối với đôi giày đi bị chật nên ông X đã vứt bỏ, hộp yến đã sử dụng hết). Ông X nghĩ cả hai món quà nêu trên chỉ có giá trị khoảng vài trăm nghìn đồng và vì tình cảm nên ông X đã nhận. Khi nhận quà, S không nhờ ông X giúp đỡ việc gì. Ông X khẳng định không nhận số tiền 150.000.000 đồng để tuyển biên chế đối với Nguyễn Minh P như nội dung lời khai của Vũ Thị S. Ngoài ra, ông X xác nhận bản thân sử dụng tài khoản Zalo có tên “Lâm Xung” để liên lạc trao đổi với S qua ứng dụng Zalo.

Tại Cơ quan điều tra ông Cao Xuân H, sinh năm 1963 trú tại A đường H, phường V, TP N, tỉnh Nam Định – Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh N, ông H khai nhận: Ông H có quan hệ quen biết với Vũ Thị S từ khoảng năm 2013 do con trai của S trước là học sinh trường THPT L1). Khoảng năm 2019, S có đến phòng làm việc của ông H biếu ông H 01 đôi giày da, màu đen, ông H sử dụng khoảng một vài lần thì đôi giày bị hỏng nên ông H đã vứt bỏ. Khi S biếu đôi

giấy, S không nói giá trị, và cũng không nhờ việc gì. Ông H nghĩ đôi giấy chỉ giá trị khoảng 200 nghìn đồng đến 300 trăm đồng nên mới nhận. Ông H khai nhận về việc S có nhờ ông H giúp đỡ cho Nguyễn Thu T4 nhưng ông H không đồng ý. Chỉ hướng dẫn thủ tục và động viên, không nhận số tiền 350.000.000 đồng như nội dung lời khai của Vũ Thị S. Ông H xác nhận có sử dụng tài khoản Zalo có tên “Xuân Hùng Cao” kết bạn và trao đổi với S trên ứng dụng Zalo. Quá trình trao đổi, S có nhờ ông H giúp đỡ đối với 03 trường hợp thi tuyển biên chế viên chức giáo viên năm 2020 gồm Nguyễn Thu T4, Trần Trung Đ và Phạm Thị T7. Tuy nhiên, ông H không đồng ý giúp mà chỉ hướng dẫn về mặt thủ tục theo đúng quy định pháp luật.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho ông Cao Xuân H và ông Nguyễn Khắc X đối chất với bị can Vũ Thị S. Kết quả ông H, ông X và bị can S vẫn giữ nguyên quan điểm, nội dung đã khai báo với Cơ quan CSĐT.

Quá trình điều tra xác định: Bùi Thị T5 đã nhận của vợ chồng ông T2, bà M số tiền 550 triệu đồng, sau đó đưa do Vũ Thị S (là dì của ruột T5) để xin biên chế giáo viên cho 02 con ông T2 là Nguyễn Minh P và Nguyễn Thu T4. Lời khai của T5 phù hợp với lời khai nhận của ông Nguyễn Đức T2, bà Đào Thị M, Nguyễn Minh P và Vũ Thị S. Ngoài ra, T5 khai nhận bản thân biết Vũ Thị S không có khả năng quyết định việc biên chế viên chức giáo viên cho P và T4 mà phải sử dụng số tiền của ông T2 – bà M đã đưa cho T5, T5 đưa lại cho S để S biếu cho người có thẩm quyền, có khả năng biên chế viên chức cho P và T4. Khi đưa tiền cho S, S không nói với T5 là sử dụng tiền như thế nào để xin việc cho P và T4.

Cơ quan CSĐT đã làm việc với Trần Trung Đ và Phạm Thị T7: Đ và T7 đều khai nhận không có quan hệ quen biết với Vũ Thị S và trong quá trình thi tuyển biên chế viên chức giáo viên năm 2020 đều tự thi và trúng tuyển, không nhờ ai giúp đỡ.

Tiến hành làm việc với ông Bùi Huy T8, sinh năm: 1963; HKTT: 8P, Ô, phường H, TP. N, tỉnh Nam Định – Nguyên quyền trưởng phòng tổ chức cán bộ - Sở giáo dục và đào tạo tỉnh N. Ông T8 khai nhận: Bản thân ông T8 có quan hệ quen biết với Vũ Thị S từ trước đã lâu. Ông T8 khẳng định không có sự việc ông T8 nhận số tiền 280.000.000 đồng để can thiệp việc thi tuyển biên chế viên chức giáo viên năm 2020 cho Trần Trung Đ như nội dung lời khai của Vũ Thị S.

2. Vụ án thứ hai:

Thông qua, Hoàng Liên S1, S quen bà D. Bà D nhờ S xin việc cho anh C2 con trai bà D. Tại nhà S1, bà D đặt lại vấn đề nhờ S xin việc cho anh C3 vào làm việc tại Nhà máy N1. S đồng ý và nói cứ yên tâm sẽ xin được việc cho C2, chậm nhất là giáp Tết năm 2023 hoặc đến sau Tết 2023 là C2 sẽ được nhận vào làm tại Nhà máy N1. Lúc này, bà D đưa cho Vũ Thị S hồ sơ xin việc của C2 cùng số tiền 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng). Sầm hứa hẹn với

bà D “*Nếu không được việc thì em sẽ hoàn lại số tiền nguyên đại nguyên quyền cho chị*” tức là hoàn trả cho bà D toàn bộ số tiền. Sau đó, S bảo bà D là số tiền còn lại 92.000.000 đồng để xin việc cho C2 bà D chuyển tài khoản cho S sau. Ngày 14/10/2022, bà D nhắn tin cho Vũ Thị S qua ứng dụng Zalo đề nghị Sâm gửi cho bà D số tài khoản để bà D chuyển nốt số tiền 92.000.000 đồng cho S thì S đồng ý. Đến ngày 17/10/2022, S gửi số tài khoản ngân hàng V1 số 186176413 mang tên Vũ Thị S cho bà D để chuyển khoản nên bà D đã nhờ anh Phạm Văn K (là hàng xóm, cạnh nhà bà D) sử dụng số tài khoản 1300121344686 đứng tên anh K mở tại ngân hàng M1 để chuyển số tiền 92.000.000 đồng đến tài khoản V1 mang tên Vũ Thị S.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Thị S khai nhận sau khi nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng từ bà D, khoảng 01 tháng sau S đã đưa cho Hoàng Liên S1 số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). S khai thoả thuận với S1 về việc nếu xin việc được cho anh C2 thì S sẽ cho S1 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Sau đó, S sử dụng 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) để mua Sâm Ngọc L, chia thành 02 bình để ngâm rượu; Số tiền còn lại S khai sử dụng mua tổ yến, cigar và hoa quả rồi biếu toàn bộ cho ông Phạm Xuân T9, sinh năm: 1963 – Trưởng ban N1 để đặt vấn đề với ông T9 giúp để anh C2 vào làm việc tại Nhà máy N1. Ngoài ra, S khai còn đưa 01 phong bì bên trong có chứa 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho ông T9 để xin việc cho anh C2 nhưng ông T9 không nhận, yêu cầu S cầm về. Theo thoả thuận, đến khoảng cuối năm 2022, bà D thấy anh C2 vẫn chưa được nhận vào làm tại Nhà máy N1 nên đã nhiều lần giục Sâm hỏi thì S hứa hẹn nhiều lần. Sau đó, bà D nhiều lần gọi điện thoại cho S nhưng S đều không nghe máy. Bà D nhắn tin cho S qua Z có nội dung đề nghị Sâm trả lại tiền đã đưa để nhờ S xin việc cho C2 nhưng S lấy nhiều lý do để lảng tránh không gặp. S hứa hẹn sẽ hoàn trả toàn bộ tiền và rút lại hồ sơ xin việc của C2 nhưng đến nay S vẫn chưa trả số tiền cùng hồ sơ xin việc đã nhận nêu trên.

Cơ quan CSĐT đã làm việc với Ban giám đốc nhà máy N2 xác định: Từ trước khi đi vào hoạt động đến nay, Ban N2 đã tuyển dụng nhân lực 03 lần dưới hình thức xét tuyển và phỏng vấn. Qua rà soát hồ sơ lưu xác định không có hồ sơ xin tuyển dụng nào tên Hoàng Văn C4, sinh năm: 1992; HKTT: xóm V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với ông Phạm Xuân T9, sinh năm: 1963 – Trưởng ban N1, ông T9 khai nhận: Bản thân có quan hệ quen biết với Vũ Thị S khi Vũ Thị S có một số lần đi cùng với đoàn lãnh đạo Tập đoàn D2 đến nhà máy làm việc. Quá trình quen biết, Vũ Thị S thỉnh thoảng có mang quà là hoa quả, bò khô, biếu ông T9 và ban quản lý rượu sâm, cigar, tổ yến nhưng không yêu cầu, đòi hỏi gì. Ông T9 xác nhận có lần Vũ Thị S đưa 01 phong bì (ông T9 nghĩ bên trong có tiền) và bộ hồ sơ xin việc đứng tên K1 (cháu của S)

để nhờ ông T9 cho K1 vào làm việc tại Nhà máy. Ông T9 không nhận tiền mà chỉ nhận hồ sơ xin việc rồi đưa lại cho P1 tổ chức hành chính để tuyển dụng theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, Vũ Thị S đưa cho ông T9 một số hồ sơ xin việc của những người khác (ông T9 không nhớ đúng tên ai) nhưng ông T9 không nhận.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành đấu tranh với Hoàng Liên S1, sinh năm: 1981; Trú tại: xóm V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Kết quả đấu tranh, Hoàng Liên S1 khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên. Ngoài ra, S1 khai nhận khoảng giữa tháng 11/2022, S đến nhà S1 và đưa cho S1 số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và nói: *“Chị cho em bốn chục triệu”*, S1 hiểu là S cho 40.000.000 đồng từ việc xin việc cho C4 nên nói: *“Chị cứ cầm lấy lo việc cho nó, lúc nào xin được việc chị cho em thì em xin”*. S trả lời: *“Cứ cầm lấy, trước sau gì nó cũng đi làm, cái này chị cho em do nhà em hoàn cảnh”*, S1 đồng ý và nhận số tiền nêu trên. Đến khoảng tháng 4/2023, thấy C4 vẫn chưa được nhận vào làm việc tại nhà máy nên S1 đã mang số tiền 40.000.000 đồng nêu trên trả lại cho bà D và nói với bà D: *“Số tiền này là cô S cho cháu, giờ cháu trả lại cô”*, bà D đồng ý và nhận lại số tiền trên.

Cơ quan điều tra tiến hành Trung cầu giám định dữ liệu điện tử trong 02 máy điện thoại di động thu giữ của Vũ Thị S. Tại bản kết luận giám định số 642 ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Phòng K2 Công an thành phố H, kết luận:

- Trong mẫu cần giám định ký hiệu A1:

- + Tìm thấy: 745 cuộc gọi, 431 tin nhắn tức thì, 03 cuộc hội thoại Line, 299 cuộc hội thoại Native Messenger, 705 tin nhắn Recents, 28 cuộc hội thoại Viber, 01 cuộc hội thoại Wechat, 03 cuộc hội thoại WhatsApp, 4259 tin nhắn Facebook, 82093 tin nhắn Zalo được lưu trong máy.

- + Không tìm thấy dữ liệu được lưu trong SIM.

- Trong mẫu cần giám định ký hiệu A2:

- + Tìm thấy: 1825 cuộc gọi, 178 tin nhắn tức thì, 28 cuộc hội thoại dạng riêng, 05 cuộc hội thoại Facebook Messenger, 242 cuộc hội thoại Native Messenger, 443 tin nhắn Recents, 07 cuộc hội thoại Viber, 10 cuộc hội thoại Wechat, 41349 tin nhắn Zalo được lưu trong máy.

- + Không tìm thấy dữ liệu được lưu trong SIM.

Kết quả nghiên cứu dữ liệu tin nhắn trong 02 chiếc điện thoại di động nêu trên có chứa dữ liệu tin nhắn giữa bị can Vũ Thị S với ông Cao Xuân H, ông Nguyễn Khắc X, ông Phạm Xuân T9, bà Đào Thị M, bà Phạm Thị D1 và Bùi Thị T5 như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2023/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt Vũ Thị S 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời

hạn tù tính từ ngày 20/5/2023.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2023, bị cáo Vũ Thị S có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo 2 chiếc điện thoại iphone; giữ nguyên lời khai đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có mẹ già, con nhỏ, chồng ung thư để giảm án cho bị cáo. Đề nghị xem xét trả bị cáo 2 chiếc điện thoại di động.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại a khoản 4 Điều 174 BLHS; áp dụng các tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLS; các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng. Hình phạt 13 (mười ba) năm tù đối với bị cáo đã phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở để xác định: Bị cáo

phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét thấy: Bị cáo phạm tội nhiều lần, hành vi nguy hiểm, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại. Bị cáo mới bồi thường cho người bị hại một phần nhỏ để khắc phục được hậu quả, đến nay chưa số tiền còn phải bồi thường là 610.000.000đ. Chiếc điện thoại bị cáo sử dụng vào việc liên lạc để phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ. Từ khi xét xử sơ thẩm tới phiên tòa hôm nay, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Hình phạt tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo đã phù hợp. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, bác kháng cáo của bị cáo căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; xử:

1. Bác kháng cáo của bị cáo Vũ Thị S. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- TTG - Công an tỉnh Nam Định;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến

